

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 14 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 3765503
- Fax : 0243 3765504

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội	Số 356A đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Chi nhánh Đà Nẵng	Số 4 Phần Lãng 11, phường Hoà Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 26-28 đường Hàn Mạc Tử, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Gồm có:
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên, Loại trừ nghiên cứu và phát triển thực nghiệm công nghệ sinh học;
 - Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên;
 - Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ;
 - Nghiên cứu và phát triển khoa học y khoa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Nam Thắng	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 10 năm 2017
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Văn Hà	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thụy Khanh	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 4 năm 2016
Bà Trương Thị Huệ	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Phương Thảo	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 10 năm 2015
Ông Trần Minh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Nam Thắng - Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2017).

Ông Lê Nam Thắng đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 1530-2017/UQ-CPC1HN ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Chủ tịch



Lê Nam Thắng

Ngày 22 tháng 6 năm 2020

Số: 2.0397/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 6 năm 2020, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 2.0301/20/TC-AC ngày 30 tháng 03 năm 2020 do Công ty lập lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 xác định lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm (xem thuyết minh số V.13).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		234.275.958.792	148.438.672.338
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.656.775.906	4.152.462.992
1. Tiền	111		10.656.775.906	4.152.462.992
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.404.827.838	100.625.419.735
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	116.268.706.051	80.413.198.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.453.808.474	12.238.394.110
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.818.029.214	7.973.827.465
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(135.715.901)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		88.768.953.098	41.044.412.702
1. Hàng tồn kho	141	V.6	88.768.953.098	41.044.412.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.445.401.950	2.616.376.909
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.601.320.120	1.052.571.831
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.299.594.990	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	544.486.840	1.563.805.078
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.600.897.599	182.143.894.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.932.009.209	862.252.228
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.932.009.209	862.252.228
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		253.297.744.634	173.001.334.452
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	236.636.113.230	155.889.388.684
<i>Nguyên giá</i>	222		315.914.023.518	212.798.046.410
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(79.277.910.288)	(56.908.657.726)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16.661.631.404	17.111.945.768
<i>Nguyên giá</i>	228		20.260.434.763	20.260.434.763
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.598.803.359)	(3.148.488.995)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		620.000.000	1.423.400.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	620.000.000	1.423.400.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.751.143.756	6.856.908.151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7.751.143.756	6.856.908.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		497.876.856.391	330.582.567.169

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		215.339.078.270	132.775.784.518
I. Nợ ngắn hạn	310		159.724.161.270	107.859.775.518
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	28.339.762.744	29.330.481.783
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.239.491.659	6.057.465.842
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.653.441.545	4.032.923.758
4. Phải trả người lao động	314		25.607.274.222	7.702.904.779
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.326.228.688	673.020.222
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	15.750.000	90.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	2.687.395.423	1.563.663.683
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	88.041.602.011	57.577.941.451
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.813.214.978	830.874.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		55.614.917.000	24.916.009.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	62.500.000	97.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	55.552.417.000	24.818.509.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		282.537.778.121	197.806.782.651
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	281.225.778.121	197.336.759.210
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		121.717.820.000	121.717.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		121.717.820.000	121.717.820.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.473.000.000	5.473.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.466.901.891	3.344.557.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	836.140.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.568.056.230	65.965.242.210
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.495.905.341	65.965.242.210
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		94.072.150.889	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.312.000.000	470.023.441
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	1.312.000.000	470.023.441
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		497.876.856.391	330.582.567.169

Người lập biểu



Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thu Thủy

Lập, ngày 22 tháng 6 năm 2020



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	445.732.830.460	267.322.937.322
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.487.032.706	748.183.608
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		444.245.797.754	266.574.753.714
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	199.901.902.002	131.503.220.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		244.343.895.752	135.071.532.719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.802.890.394	238.601.222
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.046.401.034	8.927.989.630
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.477.191.870	8.367.591.629
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	86.785.099.815	32.261.793.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	32.746.929.794	28.309.464.542
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114.568.355.503	65.810.885.943
11. Thu nhập khác	31	VI.8	838.420.246	209.231.704
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.747.251.427	128.946.196
13. Lợi nhuận khác	40		(1.908.831.181)	80.285.508
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.659.524.322	65.891.171.451
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	18.587.373.433	4.746.351.886
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		94.072.150.889	61.144.819.565
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	7.030	4.687
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	7.030	4.687

Người lập biểu

Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Lập, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		428.860.105.236	134.464.843.550
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(301.681.125.832)	(119.720.044.451)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(65.209.515.401)	(22.473.331.944)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(9.434.714.512)	(7.302.229.593)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(18.468.940.555)	(4.222.542.284)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		38.538.635.046	81.969.898.483
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.149.896.429)	(29.062.144.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.454.547.553	33.654.449.489
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(93.061.657.158)	(8.683.633.082)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	54.954.505
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(93.061.657.158)	(8.628.678.577)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	157.109.613.523	40.576.040.071
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(95.911.979.260)	(59.797.745.001)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.084.191.000)	(4.646.241.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		55.113.443.263	(23.867.945.930)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.506.333.658	1.157.824.982
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.152.462.992	2.994.638.010
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.020.744)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.656.775.906	4.152.462.992

Người lập biểu



Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thu Thủy



Lập, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và Lợi nhuận gộp năm nay tăng mạnh so với năm trước do năm nay Công ty bắt đầu thực hiện chính sách bán hàng mới dẫn đến số lượng khách hàng tăng từ hơn 1.700 khách hàng của năm trước lên hơn 3.800 khách hàng trong năm nay.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội	Số 356A đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Chi nhánh Đà Nẵng	Số 4 Phần Lãng 11, phường Hoà Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 26-28 đường Hàn Mạc Tử, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 678 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 397 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng Giao dịch Times City (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng Giao dịch Times City (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí công cụ dụng cụ và Chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 45
Máy móc và thiết bị	4 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định khác	8 - 12

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật. Quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp để có quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật. Quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 45 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản vô hình đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.225.634.000	1.395.519.550
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.431.141.906	2.756.943.442
Cộng	10.656.775.906	4.152.462.992

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	6.797.416.494	334.006.221
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	6.797.416.494	334.006.221
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	109.471.289.557	80.079.191.939
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Thuận Phát	11.934.792.247	9.552.135.112
Các khách hàng khác	97.536.497.310	70.527.056.827
Cộng	116.268.706.051	80.413.198.160

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Rommelag AG	-	9.215.119.950
Công ty TNHH Sản xuất Nhựa Thương mại Dịch vụ Toàn Thịnh	1.517.080.400	-
Zibo Haiqiao Import & Export Co., Ltd.	969.554.257	-
Các nhà cung cấp khác	4.967.173.817	3.023.274.160
Cộng	7.453.808.474	12.238.394.110

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	500.344.508	-	5.995.633.247	-
Phải thu thuế giá trị gia tăng hàng ủy thác	100.946.791	-	48.671.052	-
Tạm ứng	787.680.000	-	168.840.751	-
Phải thu tiền hàng ủy thác	-	-	331.687.799	-
Ứng trước tiền hàng ủy thác	2.340.279.226	-	1.289.963.689	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	88.778.689	-	139.030.927	-
Cộng	3.818.029.214	-	7.973.827.465	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	400.000.000	-	400.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Đặt cọc thuê văn phòng	400.000.000	-	400.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.532.009.209	-	462.252.228	-
Ký cược, ký quỹ	1.532.009.209	-	462.252.228	-
Cộng	1.932.009.209	-	862.252.228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Trung Tâm Y Tế Huyện Yên Thủy – phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm và Từ 1 năm đến 2 năm	82.756.500	(40.832.250)	-	-	-
Trung Tâm Y tế Huyện Hà Quảng – phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến 2 năm	38.724.000	(19.362.000)	-	-	-
Bệnh viện đa khoa huyện Can Lộc – phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm và Từ 1 năm đến 2 năm	27.200.050	(13.497.525)	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác – phải thu tiền bán hàng		110.106.353	(62.024.126)	-	-	-
Cộng		258.786.903	(135.715.901)			

Trong năm, Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, số tiền 135.715.901 VND (năm trước không phát sinh).

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	42.011.294.703	-	19.533.098.351	-
Công cụ, dụng cụ	176.495.518	-	131.654.934	-
Thành phẩm	34.269.195.863	-	15.992.361.588	-
Hàng hóa	12.311.967.014	-	5.387.297.829	-
Cộng	88.768.953.098	-	41.044.412.702	-

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	907.514.847	392.286.116
Chi phí thuê văn phòng	650.000.000	650.000.000
Chi phí bảo hiểm	36.538.610	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.266.663	10.285.715
Cộng	1.601.320.120	1.052.571.831

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.425.061.226	5.575.441.072
Chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc	2.117.332.530	1.271.547.079
Các chi phí trả trước dài hạn khác	208.750.000	9.920.000
Cộng	7.751.143.756	6.856.908.151

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	86.476.566.893	106.984.698.655	7.927.468.181	11.409.312.681	212.798.046.410
Mua trong năm	1.487.312.000	99.022.457.563	343.607.545	-	100.853.377.108
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	2.262.600.000	-	-	2.262.600.000
Số cuối năm	87.963.878.893	208.269.756.218	8.271.075.726	11.409.312.681	315.914.023.518
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.571.198.497	38.555.738.740	1.388.118.877	4.393.601.612	56.908.657.726
Khấu hao trong năm	2.534.468.698	17.716.076.655	1.172.369.861	946.337.348	22.369.252.562
Số cuối năm	15.105.667.195	56.271.815.395	2.560.488.738	5.339.938.960	79.277.910.288
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	73.905.368.396	68.428.959.915	6.539.349.304	7.015.711.069	155.889.388.684
Số cuối năm	72.858.211.698	151.997.940.823	5.710.586.988	6.069.373.721	236.636.113.230
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 115.994.720.606 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	20.260.434.763	3.148.488.995	17.111.945.768
Khấu hao trong năm	-	450.314.364	(450.314.364)
Số cuối năm	20.260.434.763	3.598.803.359	16.661.631.404

Tài sản cố định vô hình là Quyền khai thác và sử dụng hạ tầng kỹ thuật có giá trị còn lại theo sổ sách là 16.661.631.404 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.423.400.000	-
Chi phí phát sinh trong năm	1.459.200.000	1.423.400.000
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(2.262.600.000)	-
Số cuối năm	620.000.000	1.423.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>7.674.904.463</i>	<i>6.286.806.418</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	7.674.904.463	6.286.806.418
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>20.664.858.281</i>	<i>23.043.675.365</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Thuận Phát	3.202.590.448	7.710.702.065
Gracure Pharmaceuticals Co., Ltd.	-	3.386.649.000
Các nhà cung cấp khác	17.462.267.833	11.946.324.300
Cộng	28.339.762.744	29.330.481.783

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>2.553.139.153</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	-	2.553.139.153
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>4.239.491.659</i>	<i>3.504.326.689</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Euphar	698.617.500	1.133.606.540
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Bò	1.286.588.612	336.239.839
Các khách hàng khác	2.254.285.547	2.034.480.310
Cộng	4.239.491.659	6.057.465.842

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	342.274.709	-	2.523.618.495	(2.865.893.204)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	13.232.560.130	(13.232.560.130)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.609.001.604	(1.609.556.244)	-	554.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.460.237.673	-	18.587.373.433	(18.468.940.555)	3.578.670.551	-
Thuế thu nhập cá nhân	211.022.348	-	1.951.617.419	(1.087.868.773)	1.074.770.994	-
Tiền thuê đất	-	1.563.805.078	1.044.166.408	(24.293.530)	-	543.932.200
Các loại thuế khác	-	-	3.013.900	(3.013.900)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.389.028	-	1.190.429.485	(1.209.818.513)	-	-
Cộng	4.032.923.758	1.563.805.078	40.141.780.874	(38.501.944.849)	4.653.441.545	544.486.840

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xuất khẩu thuốc, thực phẩm chức năng	0%
- Hoạt động bán thuốc tân dược	5%
- Hoạt động bán thực phẩm chức năng	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đáp ứng điều kiện được miễn, giảm và ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2007 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ do là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, theo giấy chứng nhận số 44/DNKHCN ngày 19 tháng 07 năm 2018.

Công ty được áp dụng mức thuế suất TNDN là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm 2018, được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo quy định tại Khoản 1, khoản 6 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 20/05/2019 của Chính phủ.

Theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019, Doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp. Năm 2019, tỷ lệ doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ là 45,01% trên tổng doanh thu, do đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.659.524.322	65.891.171.451
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.930.512.084	176.946.196
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.930.512.084	176.946.196
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	115.590.036.406	66.068.117.647
Thu nhập được miễn thuế	(552.631.579)	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	115.037.404.827	66.068.117.647
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi	46.635.361.961	42.336.358.218
Thu nhập tính thuế từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	68.402.042.866	23.731.759.429
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	23.007.480.965	13.213.623.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(4.663.536.196)	(4.233.635.822)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(4.663.536.196)	(4.233.635.822)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.680.408.573	4.746.351.886
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	4.906.964.860	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18.587.373.433	4.746.351.886

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 30.306,3 m² đất đang sử dụng tại Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương với mức 13.360 VND/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan chi phí lãi vay</i>	<i>939.570.389</i>	<i>430.791.121</i>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.386.658.299</i>	<i>242.229.101</i>
Chi phí lãi vay phải trả	240.382.235	60.913.761
Chi phí thuế TNCN	930.386.264	-
Chi phí mua nguyên phụ liệu	165.891.800	181.315.340
Chi phí thuê văn phòng	49.998.000	-
Cộng	2.326.228.688	673.020.222

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê văn phòng nhận trước	15.750.000	90.500.000
Cộng	15.750.000	90.500.000

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	136.402.053	89.991.091
Cổ tức phải trả	8.500.000	6.800.000
Phải trả tiền ủy thác nhập khẩu	93.277.463	-
Nhận ứng trước tiền hàng ủy thác	2.387.422.288	989.149.383
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	61.793.619	477.723.209
Cộng	2.687.395.423	1.563.663.683

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	62.500.000	97.500.000
Cộng	62.500.000	97.500.000

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan⁽ⁱ⁾</i>	<i>57.348.360.000</i>	<i>26.048.044.000</i>
Thành viên Hội đồng quản trị	37.664.832.000	22.055.070.000
Các cá nhân khác	19.683.528.000	3.992.974.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>3.668.808.011</i>	<i>22.343.805.451</i>
Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Times City	3.668.808.011	22.343.805.451
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân khác⁽ⁱ⁾</i>	<i>11.258.342.000</i>	<i>1.300.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<i>15.766.092.000</i>	<i>7.886.092.000</i>
Cộng	88.041.602.011	57.577.941.451

Công ty có khả năng trả được các khoản vay.

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6,5%/năm, thời hạn vay tối thiểu là 06 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Times City theo hợp đồng cấp tín dụng số BMA.DN.86.180418 ngày 21 tháng 05 năm 2018 với hạn mức tín dụng 58.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng những tài sản thuộc sở hữu của Công ty gồm Bất động sản tại Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota biển số 30E-340.70, máy sản xuất thuốc tiêm công nghệ BFS và khuôn nắp, hệ thống máy BFS 460.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	26.048.044.000	38.530.154.000	-	(7.229.838.000)	-	57.348.360.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.343.805.451	62.121.117.523	-	(80.796.049.260)	(65.703)	3.668.808.011
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.300.000.000	9.958.342.000	-	-	-	11.258.342.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.886.092.000	-	15.766.092.000	(7.886.092.000)	-	15.766.092.000
Cộng	57.577.941.451	110.609.613.523	15.766.092.000	(95.911.979.260)	(65.703)	88.041.602.011

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Times City ⁽ⁱ⁾	55.397.417.000	24.357.509.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽ⁱⁱ⁾	155.000.000	461.000.000
Cộng	55.552.417.000	24.818.509.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Times City theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số BMA.DN.161.010316 ngày 15/03/2016, số tiền vay 52.000.000.000 VND để đầu tư nhà máy dược, tái cấu trúc tài chính. Thời hạn cho vay là 84 tháng, thời hạn giải ngân 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay dao động từ 8%/năm - 8,5%/năm, được quy định trong từng kế ước nhận nợ;

- Hợp đồng cấp tín dụng số BMA.DN.637.120516 ngày 13/05/2016 với số tiền vay 757.600.000 VND. Mục đích sử dụng các khoản vay là phục vụ nhu cầu kinh doanh của công ty và thanh toán mua xe ô tô. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất cho vay là 8,5%/năm được cố định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi được thanh toán vào ngày 28 hàng tháng;

- Hợp đồng cấp tín dụng số BMA.DN.328.121217 ngày 20/12/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số BMA.DN.328.121217/SĐBS-01 ngày 19/04/2019 số tiền vay 38.000.000.000 VND. Mục đích vay để tài trợ đầu tư 01 hệ thống dây chuyền sản xuất công nghệ BFS 460-15. Thời hạn vay 84 tháng từ ngày 20/04/2019. Lãi suất cho vay 8,5%/năm được cố định trong 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay đầu tiên, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng những tài sản thuộc sở hữu của Công ty gồm bất động sản tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota biển số 30E-340.70, máy sản xuất thuốc tiêm công nghệ BFS + khuôn nắp, Hệ thống máy BFS 460 bao gồm hệ thống thổi, rót, hàn thuốc nhỏ mắt và ống tiêm nhựa loại 1 ml và 5ml công nghệ vô khuẩn ... và các linh kiện phụ kiện đồng bộ kèm theo.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2018-HĐCVDAĐT/NHCT136-CPC1 ngày 24/05/2018. Số tiền vay là 920.000.000 VND. Mục đích vay là để đầu tư xe ô tô phục vụ việc đi lại cho cán bộ công nhân viên Công ty và mua 02 ô tô con 07 chỗ nhãn hiệu Isuzu, số loại MU-X. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh áp dụng từ ngày 25/05/2018 là 8%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng bằng 2 ô tô con 07 chỗ nhãn hiệu Isuzu, số loại MU-X.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	15.766.092.000	7.886.092.000
Trên 1 năm đến 5 năm	55.552.417.000	24.818.509.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	71.318.509.000	32.704.601.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	24.818.509.000	31.937.601.000
Số tiền vay phát sinh	46.500.000.000	920.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(15.766.092.000)	(8.039.092.000)
Số cuối năm	<u>55.552.417.000</u>	<u>24.818.509.000</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	823.740.000	1.222.896.391	(46.900.000)	1.999.736.391
Quỹ phúc lợi	-	1.834.344.587	(28.000.000)	1.806.344.587
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	7.134.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	7.134.000
Cộng	<u>830.874.000</u>	<u>4.057.240.978</u>	<u>(1.074.900.000)</u>	<u>3.813.214.978</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	121.717.820.000	5.473.000.000	-	-	16.722.785.340	143.913.605.340
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	61.144.819.565	61.144.819.565
Trích lập các quỹ	-	-	3.344.557.000	836.140.000	(5.510.721.000)	(1.330.024.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.085.891.000)	(6.085.891.000)
Điều chỉnh theo quyết định xử phạt thuế	-	-	-	-	(292.021.473)	(292.021.473)
Giảm khác	-	-	-	-	(13.729.222)	(13.729.222)
Số dư cuối năm trước	121.717.820.000	5.473.000.000	3.344.557.000	836.140.000	65.965.242.210	197.336.759.210
Số dư đầu năm nay	121.717.820.000	5.473.000.000	3.344.557.000	836.140.000	65.965.242.210	197.336.759.210
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	94.072.150.889	94.072.150.889
Phân loại lại các quỹ	-	-	836.140.000	(836.140.000)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	15.286.204.891	-	(18.343.445.869)	(3.057.240.978)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.085.891.000)	(6.085.891.000)
Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Thưởng cho Ban điều hành	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	121.717.820.000	5.473.000.000	19.466.901.891	-	134.568.056.230	281.225.778.121

HÀ NỘI
AN
AN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.171.782	12.171.782
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.171.782	12.171.782
- Cổ phiếu phổ thông	12.171.782	12.171.782
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.171.782	12.171.782
- Cổ phiếu phổ thông	12.171.782	12.171.782
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 1209/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 6.085.891.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.228.963.913
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 3.057.240.978
• Trích quỹ dự phòng rủi ro tài chính	: 3.057.240.978
• Thưởng Ban điều hành	: 1.000.000.000
• Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 40.000.000

20. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	470.023.441	2.307.234.669
Nguồn kinh phí được cấp	1.914.068.381	2.070.000.000
Chi sự nghiệp	(1.072.091.822)	(3.907.211.228)
Số cuối năm	1.312.000.000	470.023.441

Công ty thực hiện Hợp đồng dự án sản xuất thử nghiệm khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội theo Hợp đồng số 29/2019/HĐ-SKHHCN ngày 10 tháng 10 năm 2019. Nội dung dự án là " Hoàn thiện quy trình sản xuất 04 loại thuốc nhỏ mắt cho người dạng hỗn dịch fluorometholon; fluorometholon kết hợp neomycin; loteprednol etabonat và nepafenac ứng dụng công nghệ BFS". Thời gian thực hiện dự án là 27 tháng từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2021. Kinh phí thực hiện dự án là 14.532.000.000 VND, trong đó kinh phí được Ngân sách Nhà nước cấp là 3.615.000.000 VND và kinh phí từ nguồn khác là 10.917.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đã được Ngân sách Nhà nước giải ngân khoản kinh phí 1.312.000.000 VND để sử dụng triển khai dự án này bắt đầu từ năm 2019.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	18.107,69	58.742,69
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ⁽ⁱ⁾	3.000.000	3.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Là khoản cổ phiếu Công ty đứng tên là nhà đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	434.796.254.657	256.844.857.440
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.936.575.803	10.478.079.882
Cộng	445.732.830.460	267.322.937.322

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	18.000.863.530	5.383.620.226
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho	3.606.625.000	2.828.325.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	41.657	-
Hàng bán bị trả lại	1.486.991.049	748.183.608
Cộng	1.487.032.706	748.183.608

3. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	228.687.002	54.954.505
Lãi ký quỹ	5.352.223	-
Thu nhập từ hoạt động hợp tác kinh doanh	552.631.579	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.016.219.590	183.646.717
Cộng	1.802.890.394	238.601.222

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.477.191.870	8.367.591.629
Chiết khấu thanh toán	61.909.538	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	493.680.422	482.851.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.619.204	77.546.196
Cộng	12.046.401.034	8.927.989.630

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	50.584.287.299	20.323.357.257
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.314.787.959	1.211.212.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.563.844.253	1.162.050.045
Chi phí tư vấn giới thiệu khách hàng	14.529.079.408	-
Các chi phí khác	18.793.100.896	9.565.174.476
Cộng	86.785.099.815	32.261.793.826

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.421.135.243	17.710.456.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.313.322.003	958.748.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.719.235.588	2.737.674.316
Thuế, phí và lệ phí	1.367.487.580	1.203.932.869
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	135.715.901	-
Các chi phí khác	9.790.033.479	5.698.652.538
Cộng	32.746.929.794	28.309.464.542

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	374.491.944	2.000.000
Thu nhập khác	463.928.302	207.231.704
Cộng	838.420.246	209.231.704

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.244.683.358	72.775.526
Phạt vi phạm hành chính	436.017.500	-
Tiền thuê đất phải nộp các năm trước	1.019.872.878	-
Các chi phí khác	46.677.691	56.170.670
Cộng	2.747.251.427	128.946.196

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	94.072.150.889	61.144.819.565
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.703.607.544)	(3.057.240.978)
Thuởng HĐQT, BKS	(40.000.000)	(40.000.000)
Thuởng Ban điều hành	(3.765.952.432)	(1.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	85.562.590.913	57.047.578.587
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.171.782	12.171.782
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.030	4.687

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quý khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành, thưởng HĐQT, BKS năm 2019 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành, thưởng Hội đồng quản trị theo kế hoạch năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019 trên lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 5.023 VND xuống 4.687 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.948.405.675	59.915.481.050
Chi phí nhân công	100.467.828.957	47.247.647.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.819.566.926	14.797.216.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.370.243.458	13.675.915.241
Chi phí khác	25.066.137.898	15.676.740.408
Cộng	272.672.182.914	151.313.001.182

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên Hội đồng quản trị (bên liên quan) như sau:

	Năm nay	Năm trước
Vay của Bên liên quan	15.609.762.000	3.309.650.000
Lãi vay phải trả cho bên liên quan	2.195.230.320	1.352.967.403
Bên liên quan tạm ứng	73.340.000	-
Bên liên quan hoàn ứng	73.340.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13 và V.16a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.188.505.001	1.083.069.190
Phụ cấp	108.000.000	108.000.000
Tiền thưởng	1.062.000.000	535.833.000
Cộng	2.358.505.001	1.726.902.190

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cổ đông lớn
Bà Lê Thị Kim Ánh	Cổ đông lớn
Bà Phùng Thanh Hương	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Tiến Lung	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
Vay tiền	7.229.838.000	-
Trả tiền vay	7.229.838.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	310.255.453	539.517.660
Lãi trả chậm hàng ủy thác nhập khẩu	949.013.796	890.618.291
Phí ủy thác nhập khẩu	215.628.225	248.336.268
Chi phí thuê văn phòng	1.560.000.000	1.560.000.000
Tiền điện, nước thuê văn phòng	295.359.280	225.861.575
Sử dụng dịch vụ thuê xe nâng	180.000.000	180.000.000
Phí bảo quản thuốc hàng tháng	156.467.884	66.829.092
Bà Lê Thị Kim Ánh		
Vay tiền của bên liên quan	7.564.216.000	-
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan	524.893.213	-
Bà Phùng Thanh Hương		
Vay tiền của bên liên quan	4.511.419.000	-
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan	352.815.005	-
Ông Nguyễn Tiến Lung		
Vay tiền của bên liên quan	3.614.919.000	-
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan	184.757.026	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4b, V.11, V.12, V.14 và V.17a.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin khác

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2019, được lập ngày 21 tháng 8 năm 2019, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 đối với các chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” (Bảng cân đối kế toán), số tiền 4.951.402.860 VND, là số thuế TNDN và thuế GTGT mà Công ty phải nộp thêm của năm 2018 căn cứ kết luận tại Biên bản thanh tra thuế ngày 07 tháng 6 năm 2019.

Khi lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đánh giá số thuế TNDN và thuế GTGT phải nộp bổ sung (nêu trên) không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm nay, do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định ghi nhận khoản các khoản thuế này vào khoản mục “Chi phí khác” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 với số tiền lần lượt là 44.438.000 VND và 4.906.964.860 VND, thay vì điều chỉnh hồi tố số liệu năm trước.

Lập, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Người lập biểu

Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy



Nguyễn Thanh Bình

